

Bản án số: 277/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm; Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1984; địa chỉ: 4 ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin giải quyết vắng mặt);

1.2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm: 1986; địa chỉ: 2 ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết vắng mặt, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc B trình bày:

+ Về hôn nhân: Vào năm 2013 ông và bà Nguyễn Thị Cẩm V do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/8/2013. Sau khi cưới ông và bà V chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà V bắt đầu lạnh nhạt với ông, không còn quan tâm, chăm sóc chồng con. Cũng chính vì lý do đó nên vợ chồng đã xảy ra cự cãi, sau đó thì bà V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã V, huyện C sinh sống, cũng từ đó ông bà đã ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà V, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con: Ông và bà **V** có một người con chung là **Nguyễn Bảo K**, sinh ngày 23/11/2014 (đang sống chung với ông **B**). Khi ly hôn, ông **B** yêu cầu được quyền nuôi người con, không yêu cầu bà **V** cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Ông **B** xác định ông và bà **V** không có nợ.

- Bị đơn là bà **Nguyễn Thị Cẩm V** vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của bà có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Nguyễn Quốc B** đối với bà **Nguyễn Thị Cẩm V**.

- Về con: Giao cho ông **B** được quyền trực tiếp nuôi người con chung là **Nguyễn Bảo K**, sinh ngày 23/11/2014, bà **V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, về nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Nguyễn Quốc B** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với bà **Nguyễn Thị Cẩm V** có địa chỉ tại **ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre** nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà **Nguyễn Thị Cẩm V** vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời ông **B** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông **B**, bà **V** là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông **B** và bà **V** là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa ông **B** và bà **V** đã sống ly thân một thời gian dài (từ năm 2022 cho đến nay) mà không thể đoàn tụ được. Bên cạnh đó, dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà **V** vẫn vắng mặt, trong khi đó ông **B** vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của

ông B về việc ly hôn với bà V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con: Ông B yêu cầu được nuôi người con chung giữa ông với bà V là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2014 (đang sống chung với ông B); người con này hiện đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông B nên cần ghi nhận nguyện vọng này. Về phía bà V vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con; do vậy cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của ông B là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ: Bà V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của bà có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ; ông B không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Quốc B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm V.

[2] *Về nuôi con:*

- Giao cho ông Nguyễn Quốc B được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà Nguyễn Thị Cẩm V là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2014. Ghi nhận việc ông B không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Thị Cẩm V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, ông **Nguyễn Quốc B**, bà **Nguyễn Thị Cẩm V** có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ:* bà **Nguyễn Thị Cẩm V** vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của bà có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ; ông **Nguyễn Quốc B** không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông **Nguyễn Quốc B** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000763 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; ông **Nguyễn Quốc B** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Ông **Nguyễn Quốc B**, bà **Nguyễn Thị Cẩm V** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[6] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Quốc B ^(01 bản);
- Bà Nguyễn Thị Cẩm V ^(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách ^(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C ^(01 bản);
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre ^(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án ^(01 bản), Vp ^(01 bản), Bp ^(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền